

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng, khai thác
Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng, CBTH;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC_{latin}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành và sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan (gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương) đến việc thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (gọi tắt là cán bộ, công chức) thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành và sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là Hệ thống) là Hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo và cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và và cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Tài khoản (username) và mật khẩu (password) được cấp cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân để đăng nhập và khai thác Hệ thống.

3. Cơ quan chủ sở hữu Hệ thống (gọi tắt là Cơ quan chủ quản): Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

4. Cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống (gọi tắt là cơ quan quản lý, vận hành): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, quản lý thông tin trên môi trường mạng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu về ban hành, thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật, khai thác dữ liệu trên Hệ thống và Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

3. Bảo đảm cung cấp số liệu kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các số liệu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất giữa các ngành, cơ quan, địa phương về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

Chương II

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG

Điều 5. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Hệ thống được thiết lập, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet để vận hành, khai thác, sử dụng, sao lưu, kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu; có tên miền truy cập là <https://baocao.quangngai.gov.vn> với giao diện ngôn ngữ tiếng Việt.

2. Hệ thống đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định pháp luật, đồng thời phải đáp ứng các quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng tại Quy chế này và các yêu cầu hỗ trợ công tác quản lý nhà nước trong thực hiện các chế độ báo cáo.

Điều 6. Quản lý và cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 2 Quy chế này được cấp tài khoản để truy cập, thực hiện các nghiệp vụ báo cáo liên quan và khai thác dữ liệu trên Hệ thống.

2. Các tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản truy cập Hệ thống có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản đúng mục đích; đảm bảo bảo mật thông tin tài khoản sau khi tiếp nhận; chịu trách nhiệm về kết quả việc giao tài khoản và mật khẩu truy cập cho người khác sử dụng.

3. Căn cứ vào danh sách đăng ký với thủ trưởng cơ quan, đơn vị và địa phương; cơ quan quản lý, vận hành thực hiện tạo tài khoản trên Hệ thống và phân quyền sử dụng cho tài khoản theo đúng chức năng, nhiệm vụ, phạm vi dữ liệu gửi nhận báo cáo, dữ liệu của đơn vị, địa phương và gửi lại thông tin tài khoản và mật khẩu tới người sử dụng qua hình thức văn bản hoặc email công vụ hoặc hình thức khác theo quy định.

4. Trường hợp người sử dụng thay đổi vị trí công tác, chuyển đơn vị công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu thì cơ quan, đơn vị và địa phương thông báo cho cơ quan quản lý, vận hành để thực hiện hủy bỏ, thay đổi tài khoản người sử dụng theo quy định. Thời gian gửi thông báo tương ứng với thời gian ban hành quyết định về việc chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu của người sử dụng.

5. Thời gian thực hiện việc khởi tạo, thu hồi, thay đổi tài khoản không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan quản lý, vận hành nhận được văn bản đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 7. Thực hiện báo cáo trên Hệ thống

1. Giao báo cáo

a) Các đề cương và biểu mẫu báo cáo được tự động giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo kỳ dữ liệu do cơ quan, địa phương được giao chủ trì chế độ báo cáo thực hiện cài đặt trên Hệ thống.

b) Khi nhận được yêu cầu báo cáo trên Hệ thống, cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp báo cáo thực hiện giao báo cáo tới các phòng ban, cơ quan cấp dưới, hoặc các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

2. Quy trình thực hiện đối với cơ quan thực hiện báo cáo

a) Thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo yêu cầu.

b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu trong trường hợp cơ quan nhận báo cáo trả lại trên Hệ thống.

c) Ký số báo cáo, các biểu mẫu kèm theo và gửi báo cáo lên cơ quan, đơn vị yêu cầu báo cáo trên Hệ thống theo quy định.

3. Quy trình thực hiện đối với cơ quan được giao chủ trì, yêu cầu báo cáo

a) Kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo gửi đến, duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Kịp thời trả lại và yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác.

Điều 8. Đính chính báo cáo

1. Yêu cầu đính chính khi báo cáo đã gửi và chưa được cơ quan được giao chủ trì, yêu cầu báo cáo duyệt. Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ gửi báo cáo sử dụng chức năng yêu cầu đính chính báo cáo trên Hệ thống để thu hồi lại báo cáo, sau đó cán bộ, công chức thực hiện đính chính báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

2. Yêu cầu đính chính khi báo cáo đã gửi và đã được cơ quan được giao chủ trì, yêu cầu báo cáo duyệt. Cơ quan thực hiện báo cáo liên hệ với cơ quan được giao chủ trì, yêu cầu báo cáo duyệt để yêu cầu đính chính, sau đó được cơ quan yêu cầu báo cáo kiểm tra, từ chối thì thực hiện đính chính báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Điều 9. Ký số và phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Cơ quan gửi báo cáo thực hiện ký số báo cáo và các biểu mẫu kèm theo trên Hệ thống theo quy định của pháp luật.

2. Việc cập nhật, tổng hợp thông tin, số liệu, duyệt và gửi, nhận báo cáo quy định tại Quy chế này thực hiện thông qua các chức năng của Hệ thống.

3. Đối với việc cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh: Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao cung cấp số liệu thực hiện cập nhật thông tin trên Hệ thống; cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì thực hiện sẽ tổng hợp và gửi liên thông báo cáo tới Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

4. Trường hợp Hệ thống có sự cố kỹ thuật dẫn tới không thể gửi, nhận báo cáo trong thời hạn quy định, việc gửi, nhận báo cáo được thực hiện bằng hình thức văn bản điện tử thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Sau khi Hệ thống được khắc phục sự cố kỹ thuật, cơ quan, địa phương thực hiện cập nhật bổ sung các chế độ báo cáo phát sinh trong thời gian hệ thống gián đoạn.

Điều 10. Thiết lập chế độ báo cáo trên Hệ thống

1. Trên cơ sở danh mục báo cáo định kỳ được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo yêu cầu, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các báo cáo đột xuất, chuyên đề; các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề cương, biểu mẫu báo cáo để phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống cập nhật, cấu hình trên Hệ thống.

2. Các loại chế độ báo cáo được thiết lập trên Hệ thống bao gồm:

a) Các chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Các chế độ báo cáo khác của Bộ, ngành Trung ương mà chưa quy định, yêu cầu cơ quan, đơn vị, địa phương (đối tượng thực hiện báo cáo) thực hiện việc cập nhật, báo cáo thông tin, số liệu trên các Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, ngành hoặc thực hiện gửi, nhận báo cáo qua phương thức khác (văn bản điện tử hoặc bản giấy).

c) Các chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các chế độ báo cáo được thiết lập trên Hệ thống phải được rà soát định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi về chính sách, quy định pháp luật. Cơ quan quản lý, vận hành phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để cập nhật, điều chỉnh đề cương, biểu mẫu báo cáo phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật.

Điều 11. Trục quan hóa và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ Hệ thống

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu tại Điều 2 Quy chế này có quyền khai thác dữ liệu trên Hệ thống theo quy định; thực hiện cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin báo cáo theo quy định pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với cơ quan quản lý, vận hành thực hiện trực quan hóa, thiết kế dữ liệu báo cáo của cơ quan, đơn vị, địa phương mình thành các biểu đồ, thống kê cụ thể để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

3. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan được cung cấp tài khoản truy cập, sử dụng, khai thác thông tin, dữ liệu của các danh mục, biểu mẫu báo cáo trên Hệ thống qua các tiện ích biểu đồ, thống kê theo đúng trách nhiệm và quyền hạn để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

4. Cơ quan quản lý, vận hành thực hiện phân quyền thông tin, dữ liệu theo chức năng và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia sử dụng, khai thác và phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin, dữ liệu của cá nhân, tổ chức theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác và sử dụng dữ liệu các cơ quan, đơn vị, địa phương phản hồi các vướng mắc, bất cập của Hệ thống để cơ quan quản lý, vận hành xem xét, rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

Điều 12. Lưu trữ báo cáo, thông tin, dữ liệu trên Hệ thống

Báo cáo, thông tin, dữ liệu trên Hệ thống được lưu trữ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định có liên quan của pháp luật về lưu trữ.

Chương III

KẾT NỐI, CHIA SẺ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TỈNH

Điều 13. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác

Cơ quan quản lý, vận hành chủ trì xây dựng Hệ thống đảm bảo thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông với Hệ thống thông tin khác theo quy định và bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin thông suốt giữa Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Hệ thống thông tin báo cáo bộ, cơ quan trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo quy định, hướng dẫn Văn phòng Chính phủ, Bộ ngành liên quan.

Điều 14. Nguyên tắc đảm bảo vận hành, an toàn thông tin Hệ thống

1. Cơ quan quản lý, vận hành chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp kỹ thuật đảm bảo hoạt động an toàn cho Hệ thống, định kỳ thực hiện việc sao lưu dữ liệu và xây dựng giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin cho Hệ thống; xây dựng phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm Hệ thống hoạt động liên tục 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần.

2. Cơ quan quản lý, vận hành thường xuyên giám sát, theo dõi Hệ thống trên thiết bị bảo mật, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, an toàn dữ liệu cho toàn Hệ thống, kịp thời xử lý những sự cố phát sinh, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, liên tục và thông suốt.

3. Cơ quan, đơn vị, cá nhân được cấp tài khoản để thực hiện nhiệm vụ trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo quy định có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến thông tin truy cập tài khoản quản trị Hệ thống.

4. Phân quyền tài khoản người sử dụng phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ của cá nhân tham gia nhiệm vụ trên Hệ thống.

5. Cá nhân tham gia Hệ thống phải tuân thủ theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng; khi phát hiện có sự cố mất an toàn thông tin trên hệ thống phải kịp thời báo cho cơ quan quản lý, vận hành để phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý theo quy định pháp luật.

6. Kế hoạch nâng cấp hệ thống phải được thông báo cụ thể tới các đơn vị có liên quan chậm nhất 24 giờ trước khi tiến hành thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoặc email công vụ hoặc hình thức khác theo quy định.

7. Tuân thủ, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

1. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống

a) Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và văn bản pháp luật liên quan.

b) Thực hiện bảo vệ Hệ thống theo quy định của pháp luật và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn thông tin mạng.

c) Thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng, đánh giá hiệu quả của các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng và thực hiện báo cáo theo quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác Hệ thống

a) Nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm những hành vi không được làm được theo quy định.

b) Đảm bảo an toàn thông tin mạng khi kết nối, cập nhật, khai thác dữ liệu Hệ thống theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin mạng.

c) Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xử lý sự cố mất an toàn thông tin mạng đối với phần mềm quản lý cán bộ.

3. Các thiết bị đầu cuối (máy tính cá nhân) khi kết nối với Hệ thống phải được cài đặt, cập nhật thường xuyên phần mềm phòng chống vi rút, mã độc và các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin khác.

Điều 16. Duy trì hoạt động, bảo trì, nâng cấp, hiệu chỉnh

1. Hệ thống phải được thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp, hiệu chỉnh để đảm bảo hoạt động liên tục 24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần.

2. Hệ thống phải được bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để vận hành, khai thác, sử dụng trong phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, ổn định, nhanh chóng, thuận lợi; đáp ứng yêu cầu về tốc độ xử lý, truyền tải thông tin, dữ liệu điện tử.

3. Hàng năm, cơ quan quản lý, vận hành phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát và đề xuất phương án nâng cấp, hiệu chỉnh các chức năng đảm bảo phù hợp với văn bản hướng dẫn của trung ương và theo nhu cầu thực tế, tăng cường tính tiện ích trong quá trình sử dụng nhằm đảm bảo quá trình khai thác, sử dụng hệ thống nhanh chóng, ổn định và hiệu quả.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng, khai thác Hệ thống theo các quy định tại Quy chế này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, vận hành, nâng cấp và đảm bảo duy trì hoạt động thông suốt, an toàn và bảo mật Hệ thống; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật kết nối và gửi dữ liệu từ Hệ thống lên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia của Chính phủ và các hệ thống thông tin khác theo yêu cầu.

3. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, lập dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý và duy trì hoạt động của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm tra, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác báo cáo thực hiện việc cập nhật thông tin và thực hiện báo cáo qua Hệ thống đảm bảo tính chính xác và kịp thời; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo theo Quy chế này; bàn giao tài khoản được khai báo trên Hệ thống cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, đơn vị tham gia trên hệ thống; tiếp nhận thông tin phản ánh và phối hợp, hỗ trợ xử lý các sự cố phát sinh trên hệ thống.

5. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và rà soát các chức năng, nội dung trên Hệ thống; kịp thời điều chỉnh và bổ sung các tính năng mới phù hợp theo quy định hiện hành.

6. Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị khai thác sử dụng Hệ thống.

7. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo theo Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Quy chế này và hiện trạng, tình hình vận hành, hoạt động phần mềm Hệ thống của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ

1. Công an tỉnh phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Hệ thống theo các quy định của pháp luật.

2. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về công nghệ cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin cho đô thị thông minh, đảm bảo khả năng kết nối; dùng chung hạ tầng công nghệ thông tin.

Điều 19. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan

1. Tổ chức quán triệt, thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này; định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo cơ quan quản lý, vận hành về tình hình sử dụng, khai thác Hệ thống để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phân công nhiệm vụ, cụ thể hóa trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, sử dụng và khai thác Hệ thống trong quá trình thực hiện các loại báo cáo theo Quy chế này.

3. Cung cấp số liệu và cập nhật thông tin của ngành, lĩnh vực quản lý phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời trên Hệ thống. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung và chất lượng dữ liệu, số liệu liên quan do ngành, lĩnh vực quản lý phụ trách để phục vụ cho việc tổng hợp số liệu báo cáo trên Hệ thống.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phải bảo đảm các điều kiện hạ tầng kết nối mạng, máy tính và các thiết bị liên quan phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống.

5. Tổ chức quản lý, sử dụng tài khoản trên Hệ thống, đồng thời phối hợp với cơ quan quản lý, vận hành xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng.

6. Kịp thời báo cáo, phản ánh cho cơ quan quản lý, vận hành về các vướng mắc, bất cập, khả năng đáp ứng yêu cầu các chức năng, tính năng, tiện ích thực hiện chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu được thiết lập, cập

nhật trên hệ thống thông tin báo cáo tình để làm cơ sở, xác định yêu cầu hoàn thiện hệ thống.

7. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan định kỳ tổ chức tập huấn nội bộ cho cán bộ, công chức, viên chức về quy trình sử dụng Hệ thống, đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn thông tin và nhập liệu chính xác, kịp thời.

Điều 20. Cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân tham gia, sử dụng Hệ thống

1. Truy cập, sử dụng và khai thác thông tin, dữ liệu trên Hệ thống, chịu trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Quản lý tài khoản được cung cấp để sử dụng và khai thác trên Hệ thống; không bàn giao tài khoản cho cá nhân, tổ chức khác nếu không được sự cho phép của cơ quan quản lý, vận hành; thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu cho Hệ thống.

3. Chủ động theo dõi, xử lý các yêu cầu thực hiện báo cáo hoặc tiếp nhận và xử lý thông tin báo cáo được phân công; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu trao đổi, cung cấp, báo cáo trên Hệ thống bằng tài khoản cá nhân.

4. Kịp thời thông báo cho bộ phận kỹ thuật của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc cơ quan quản lý, vận hành đối với các lỗi phát sinh trong quá trình khai thác và sử dụng Hệ thống.

Điều 21. Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Hệ thống

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, vận hành, sử dụng, khai thác và xử lý sự cố trong quá trình triển khai Hệ thống, đảm bảo Hệ thống hoạt động hiệu quả, liên tục, an toàn và đáp ứng yêu cầu hiệu suất hoạt động của hệ thống.

2. Phối hợp các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, yêu cầu báo cáo xây dựng, bổ sung điện tử hóa các danh mục báo cáo; đề cương và các biểu mẫu báo cáo do các cơ quan, đơn vị cung cấp trên Hệ thống.

3. Thực hiện sao lưu dữ liệu đầy đủ, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa và khắc phục sự cố Hệ thống. Trường hợp nâng cấp, cập nhật Hệ thống phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý, vận hành.

4. Định kỳ hoặc đột xuất thực hiện sao lưu, bàn giao cơ sở dữ liệu về cơ quan đầu mối quản lý dữ liệu của tỉnh để lưu trữ theo quy định.

5. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin, cơ yếu và pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương trên địa bàn

tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, kịp thời phản ánh đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.
